

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 26 tháng 11 năm 2020 đến ngày 02 tháng 12 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	26,4	1.552,4	- 4,8	- 25,3	- 25,7	- 33,7	- 9,8	20,1
Bình Long	56,6	2.084,2	+ 3,7	+ 18,9	+ 39,3	- 18,9	- 12,8	30,6
Cần Đăng	50,4	1.397,1	- 21,7	+ 6,8	- 11,3	- 38,3	- 34,4	28,6
Dầu Tiếng	59,0	2.600,2	+ 44,5	- 10,2	+ 25,9	+ 15,5	+ 23,3	44,0
Đồng Ban	18,0	1.513,4	+ 6,6	- 12,0	+ 21,5	- 24,1	- 25,3	12,3
Gò Dầu	45,5	1.334,2	- 15,9	- 31,1	- 15,0	- 27,8	- 22,0	23,8
Lộc Ninh	3,4	1.453,2	- 27,1	- 27,8	- 26,6	- 58,8	- 13,4	11,0
Sở Sao	22,6	1.961,2	+ 4,8	- 28,1	- 10,6	- 13,9	- 15,9	32,3
Tân Sơn Hòa	11,7	2.045,0	+ 9,3	+ 26,8	- 5,4	- 23,0	- 4,3	27,2
Tây Ninh	75,4	1.397,0	- 26,2	- 17,7	- 16,4	- 31,6	- 39,9	25,3
Trung bình	36,9	1.733,8	- 2,7	- 9,9	- 2,4	- 25,5	- 15,5	25,5

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 2,7%, thấp hơn 9,9% so với năm 2019, thấp hơn 2,4% so với năm 2018, thấp hơn 25,5% so với năm 2017 và thấp hơn 15,5% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Tây Ninh (75,4 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại các trạm Lộc Ninh (3,4 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 25,5 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)						Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017	2016	Tuần trước		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	1391,18	88,05	- 3,0	- 3,0	+ 1,2	- 6,2	- 15,1	+ 1,7	Tăng	92,11
Hồ Càn Nôm	7,99	6,92	86,62	- 5,7	+ 2,5	- 5,5	- 8,8	- 5,5	+ 0,6	Tăng	66,58
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 19,2	0	+ 11,2	+ 11,2	+ 29,5	0	Tăng	100,00
Hồ Tha La	23,47	16,90	72,02	- 4,1	- 10,9	- 6,4	- 9,1	- 4,5	+ 3,1	Tăng	72,57
Hồ Bù Nâu	0,614	0,10	16,29	- 83,5	- 83,7	- 83,7	- 83,7	- 82,8	0	Giảm	51,14
Hồ Tà Thiêt	1,15	1,150	100,00	+ 16,9	0	0	+ 0,9	+ 19,8	0	Tăng	100,00
Hồ Rừng Cấm	2,068	1,84	88,76	- 3,0	+ 2,6	- 11,2	- 11,2	- 10,0	- 2,5	Giảm	99,81
Hồ Tà Te	0,756	0,52	69,14	- 29,7	- 30,9	- 30,9	- 30,9	- 30,3	- 2,9	Giảm	97,94
Hồ Suối Láp	0,37	0,37	100,00	+ 5,2	0	+ 0,5	0	+ 15,6	0	Tăng	100,00
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 26,7	0	+ 40,8	+ 10,7	+ 36,9	0	Tăng	100,00
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	1.422,81	87,81	- 6,1	- 12,3	- 8,4	- 12,7	- 4,6	- 0,0		91,73

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 25/11/2020 trữ được ở mức khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 1.422,81 triệu m³ (đạt 87,81% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ TBNN, thấp hơn cùng kỳ các năm 2016-2019. Hồ Bù Nâu (tỉnh Bình Phước) đang thi công sửa chữa thay thế túi đập cao su.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 12 của vụ Đông Xuân 2020-2021 của 11 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **45,30** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2020-2021				
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 12 cho vụ Đông Xuân 2020-2021 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		6.691,0	1.681,0	35.285,0	447,0	45,30
1	Hồ Dầu Tiếng	6.500	1.647	32.613	440	42,79
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,21
3	Hồ Ba Veng			70		0,04

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2020-2021				Nhu cầu nước tưới tháng 12 cho vụ Đông Xuân 2020-2021 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
4	Hồ Tha La	10	3	2.237		1,81
5	Hồ Bù Nâu	42		60		0,10
6	Hồ Tà Thiết	50		20		0,19
7	Hồ Rừng Cắm			90		0,05
8	Hồ Tà Te			30		0,02
9	Hồ Suối Láp			85		0,05
10	Hồ Lộc Thạnh			80		0,05

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 12 năm 2020 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Dầu Tiếng	227,23
2	Hồ Càn Nôm	0,61
3	Hồ Ba Veng	0,47
4	Hồ Tha La	35,55
5	Hồ Bù Nâu	0,43
6	Hồ Tà Thiết	0,11
7	Hồ Rừng Cắm	0,48
8	Hồ Tà Te	0,07
9	Hồ Suối Láp	0,42
10	Hồ Lộc Thạnh	0,37

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 12 cho vụ Đông Xuân 2020-2021, kết quả dự báo tuần từ ngày 26/11/2020 đến ngày 02/12/2020 như sau:

- **10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cắm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2020-2021 từ ngày 26/11/2020 đến 02/12/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	88,05	41.200	88,57	100	41.200	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	86,62	127,00	87,81	100	127,00	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	72,02	2.250	72,57	100	2.250	Đủ nước

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2020-2021 từ ngày 26/11/2020 đến 02/12/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Bù Nâu	16,29	102	16,29	100	102	Đang sửa chữa
Hồ Tà Thiết	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Rừng Cắm	88,76	90	86,52	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	69,14	30	66,05	100	30	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	100,00	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	100,00	80	100,00	100	80	Đủ nước
Trung bình/Tổng	87,81	44.104^(*)	88,33	100	44.104^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	1.422,3	+ 4	- 25	- 42	Rủi ro hạn thấp
Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu	2.644,2	+ 92,5	+ 46	- 9	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu					
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
	Gia Lộc – Trảng Bàng					
Trung bình		2.033,3	+ 48,4	+ 11	- 25	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 11% và cao hơn 48,4% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặt khác, tuần qua tiếp tục có mưa nhỏ đến mưa vừa, nên khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
44.104	6.691	37.413					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 02/12/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 1.431,2 triệu m³ (chiếm 88,33% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 02/12/2020 không thay đổi.

Tuy nhiên, khu vực đang giai đoạn chuyển tiếp mùa mưa sang đầu mùa khô 2020-2021. Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2020-2021, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng cùng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 03/12/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG